TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 – BẮC NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 176/2026/HNGĐ-ST
Ngày 26-8-2026
Về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Hồng Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Hải Đăng;

2. Ông Nguyễn Văn Thông.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Ngô Thị Mai, Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Bắc Ninh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 - Bắc Ninh tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Văn Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 26-8-2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 3 – Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 288/2026/TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2026 về việc "ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 448/2026/QĐXXST- HNGĐ ngày 03/8/2026, Quyết định hoãn phiên tòa số: 313/2026/QĐST-HNGĐ ngày 18/8/2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lý Thị L, sinh năm 1994; Nơi cư trú: Bản V, xã X, tỉnh Bắc Ninh; Nơi ơ: Số nhà A, tổ dân phố Đ, phường N, tỉnh Bắc Ninh. Số căn cước công dân: 024194001551 - (Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Lưu Văn T, sinh năm 1985; Nơi cư trú: Bản V, xã X, tỉnh Bắc Ninh. Số căn cước công dân: 024085002355 - (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Tại đơn khởi kiện, bản ý kiến và tài liệu trong hồ sơ vụ án chị Lý Thị L trình bày:

Chị L và anh T trước khi kết hôn có được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn ngày 21/12/2011 tại UBND xã X, huyện Y, tỉnh Bắc Giang (nay là UBND xã X, tỉnh Bắc Ninh). Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại thôn T, xã X, tỉnh Bắc Ninh (nay là bản Ven, xã X, tỉnh Bắc Ninh). Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu tháng 02/2026 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, hay xảy ra cãi vã, không có tiếng nói chung, mặc dù chị đã nhiều lần cố gắng thấu hiểu và hòa giải nhưng bất kể chị làm gì thì chồng chị cũng mắng chửi chị, không nói

chuyện được nhẹ nhàng, cũng có nhiều lần anh đánh chị dẫn đến tháng 3/2026 chị có làm đơn xin ly hôn một lần nhưng nghĩ thương con chị rút đơn khởi kiện nhưng rồi mâu thuẫn vợ chồng không thể giải quyết được nên chị lại làm đơn xin ly hôn. Hiện vợ chồng sống ly thân từ tháng 3/2026 và không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị L xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc, mục đích của cuộc hôn nhân không đạt được nên làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lưu Văn T.

- Về con chung: Vợ chồng chị L, anh T có 03 con chung là cháu Lưu Minh H, sinh ngày 28/01/2013; cháu Lưu Ái L1, sinh ngày 31/10/2015 và cháu Lưu Anh Q, sinh ngày 08/10/2020. Hiện cả 03 cháu đang sống cùng với anh T. Khi ly hôn chị L có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu L1, giao cháu H và cháu Q cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng; Về cấp dưỡng nuôi con chung chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản ghi ý kiến ngày 26/6/2026 chị Lý Thị L thay đổi nguyện vọng về việc nuôi con, chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lưu Minh H, giao cháu Lưu Ái L1 và cháu Lưu Anh Q cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng; Về cấp dưỡng nuôi con chung chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản ghi ý kiến ngày 23/7/2026 chị Lý Thị L tiếp tục thay đổi ý kiến về việc nuôi con. Sau khi được biết nguyện vọng của cháu H, cháu L1 đều muốn ở với bố và xét thấy hiện tại cả 03 cháu đang ở cùng anh T, khỏe mạnh, phát triển bình thường, đang đi học, để các cháu tiếp tục ổn định cuộc sống, chị L rút nguyện vọng nuôi cháu H tại bản ghi ý kiến ngày 26/6/2026 và đồng ý giao cả 03 cháu Lưu Minh H, Lưu Ái L1, Lưu Anh Q cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chung chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản, công nợ chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Vợ chồng chị L, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại bản ghi ý kiến và tài liệu trong hồ sơ anh Lưu Văn T trình bày:

Anh và chị L có sự tìm hiểu và được hai bên gia đình đồng ý, vợ chồng tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện Y, tỉnh Bắc Giang (nay là UBND xã X, tỉnh Bắc Ninh) vào ngày 21/12/2011. Sau đó tổ chức theo nghi lễ truyền thống và sống với nhau tại thôn T, xã X, tỉnh Bắc Ninh (nay là bản Ven, xã X, tỉnh Bắc Ninh). Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2026 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không có tiếng nói chung, hay cãi nhau, chị L nhắn tin với người khác giới nhưng không cho anh lời giải thích. Chị L đi làm rồi không về nữa và viết đơn xin ly hôn. Nay anh thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh mong Tòa án hòa giải để vợ chồng anh về với nhau.

- Về con chung: Vợ chồng anh T, chị L có 03 con chung là cháu Lưu Minh H, sinh ngày 28/01/2013; cháu Lưu Ái L1, sinh ngày 31/10/2015 và cháu Lưu Anh Q, sinh ngày 08/10/2020. Hiện nay 03 cháu đang ở cùng anh T, khỏe mạnh bình thường và đang đi học. Sau khi ly hôn anh T có nguyện vọng nuôi cả 03 cháu; Về cấp dưỡng nuôi con chung anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản, công nợ chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Vợ chồng anh T, chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại biên bản xác minh chính quyền địa phương bản Ven, xã X, tỉnh Bắc Ninh cung cấp như sau: Chị L và anh T có đi đăng ký kết hôn, tổ chức đám cưới và chung sống tại địa phương. Trong quá trình chung sống giữa anh chị có mâu thuẫn như thế nào địa phương không nắm được, chỉ biết anh chị có trục trặc với nhau. Vợ chồng có 03 con chung là cháu Lưu Minh H, sinh năm 2013, cháu Lưu Ái L1, sinh năm 2015 và cháu Lưu Anh Q, sinh năm 2020. Hiện nay các cháu khỏe mạnh bình thường, đang ở cùng anh T. Về tài sản chung và công nợ chung địa phương không nắm được. Nay chị L có yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con, địa phương không có ý kiến gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

* Tại biên bản lấy lời khai ngày 16/7/2026 cháu Lưu Minh H và cháu Lưu Ái L1 cùng trình bày: Các cháu là con của bố Lưu Văn T, mẹ Lý Thị L . Hiện các cháu đang ở cùng với bố tại bản Ven, xã X, tỉnh Bắc Ninh. Bố mẹ các cháu có mâu thuẫn như thế nào các cháu không biết, hiện tại mẹ đi làm công ty lâu rồi không về nhà, gọi điện thoại cho mẹ nhưng mẹ không nghe điện thoại. Nếu bố mẹ ly hôn thì các cháu có nguyện vọng ở với bố là anh Lưu Văn T.

* Tại bảng sao kê tài khoản của Ngân hàng thương mại cổ phần H1 xác định chị Lý Thị L làm việc tại Công ty trách nhiệm hữu hạn S, tiền lương tháng 3/2026 là 16.302.200 đồng, tiền lương tháng 4/2026 là 17.471.300 đồng, tiền lương tháng 5/2026 là 16.729.600 đồng.

** Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:*

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn không chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 – Bắc Ninh đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Lý Thị L được ly hôn anh Lưu Văn T.

Về con chung: Giao cho anh Lưu Văn T được trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 con chung cháu Lưu Minh H, sinh ngày 28/01/2013; cháu Lưu Ái L1, sinh ngày 31/10/2015 và cháu Lưu Anh Q, sinh ngày 08/10/2020; Về cấp dưỡng nuôi con chung chị L và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ chung, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Chị L và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị L được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm; Hoàn trả chị L số tiền 300.000đồng đã nộp tạm ứng án phí ngày 10/6/2026, do Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh thu.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ ý kiến của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị L xin ly hôn anh T; Anh T có địa chỉ cư trú tại xã X, tỉnh Bắc Ninh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 3 – tỉnh Bắc Ninh theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn xin ly hôn và yêu cầu giải quyết về con chung. Căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật là "Ly hôn và tranh chấp nuôi con".

- Về việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về việc vắng mặt của đương sự: Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị L, anh T. Chị L có đơn xin vắng mặt còn anh T vắng mặt lần thứ 2 không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228; Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị L, anh T.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân:

Chị L, anh T có sự tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 21/12/2011 tại UBND xã X, huyện Y, tỉnh Bắc Giang (nay là UBND xã X, tỉnh Bắc Ninh). Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình.

Qua lời khai của chị L, anh T, kết quả xác minh tại chính quyền địa phương có căn cứ khẳng định: vợ chồng chị L, anh T bất đồng quan điểm sống, hay xảy ra cãi nhau, vợ chồng chị L, anh T đã sống ly thân từ tháng 3/2026 đến nay không còn quan tâm chăm sóc cho nhau. Chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị L yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh T và anh T không đồng ý, nhưng anh T không có biện pháp tích cực gì để hàn gắn mối quan hệ tình cảm vợ chồng. Đến nay, mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng. Có căn cứ để xác định vợ chồng chị L, anh T không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của vợ chồng là phải yêu thương, tôn trọng và chung sống cùng nhau theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình. Hội đồng xét xử thấy rằng mâu thuẫn giữa chị L, anh T đã trầm trọng, đời sống chung

không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần xử cho chị L được ly hôn với anh T là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

- Về việc nuôi con:

Lời khai của chị L, anh T là phù hợp với kết quả xác minh tại địa phương. Vợ chồng chị L, anh T có 03 con chung là cháu Lưu Minh H, sinh ngày 28/01/2013; cháu Lưu Ái L1, sinh ngày 31/10/2015 và cháu Lưu Anh Q, sinh ngày 08/10/2020 đang ở cùng anh T. Chị L sau khi biết nguyện vọng của cháu H, cháu L1 đều muốn ở với bố và xét thấy cả 03 cháu đang ở cùng anh T, khỏe mạnh, phát triển bình thường, đang đi học, chị L đồng ý giao cả 03 con chung cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T cũng có nguyện vọng nuôi cả 03 con chung. Các cháu H, L1 đều có nguyện vọng ở cùng anh T. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, đảm bảo sự ổn định trong cuộc sống, sinh hoạt, học tập, không làm xáo trộn môi trường sống của các cháu và phù hợp với nguyện vọng của các cháu và các đương sự, cần giao cho anh T trực tiếp nuôi cả 03 con chung là phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Không ai yêu cầu giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét giải quyết về vấn đề này.

- Về tài sản, công nợ, nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí: Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Lý Thị L là người dân tộc thiểu số sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, có đơn xin miễn án phí nên miễn án phí cho chị Lý Thị L .

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 19, khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lý Thị L được ly hôn anh Lưu Văn T.

2. Về việc nuôi con: Giao cho anh Lưu Văn T trực tiếp nuôi 03 con chung là cháu Lưu Minh H, sinh ngày 28/01/2013; cháu Lưu Ái L1, sinh ngày 31/10/2015 và cháu Lưu Anh Q, sinh ngày 08/10/2020.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở họ thực hiện quyền này.

3. Về tiền án phí: Miễn tiền án phí ly hôn cho chị Lý Thị L . Trả lại chị Lý Thị L số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0005438 ngày 10/6/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được tống đạt hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND Khu vực 3 – Bắc Ninh;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh;
- UBND xã Xuân Lương, tỉnh Bắc Ninh;
- Các đương sự;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án tối cao;
- Lưu HS.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Lê Hồng Thảo